

Số: /BC-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng 9 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách trình kỳ họp thứ 15 (kỳ họp chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định và sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã tổ chức thẩm tra các báo cáo, hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 15 (kỳ họp chuyên đề) HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trên cơ sở các báo cáo hồ sơ dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh trình, thông qua các hoạt động khảo sát, giám sát; tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri, ý kiến tham gia của các đại biểu tham dự cuộc họp, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### **A. CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**I. Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

##### **1. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết:**

- Hồ sơ do UBND tỉnh trình gồm: Tờ trình số 2551/TTr-UBND ngày 18/9/2023; Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm định số 1436/BCTĐ-STP ngày 14/9/2023 của Sở Tư pháp; Báo cáo số 2404/BC-SNN ngày 15/9/2023 của Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; Báo cáo số 2362/BC-SNN ngày 13/9/2023 tổng hợp ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Bản chụp 21 văn bản ý kiến góp ý của các đơn vị. Căn cứ Điều 124, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, hồ sơ dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình đầy đủ theo quy định tại.

Thời gian gửi hồ sơ, UBND tỉnh gửi hồ sơ chậm 01 ngày theo quy định.

##### **2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

- Ngày 24/6/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (gọi tắt là Nghị định số 38/2023/NĐ-CP). Ngày 15/8/2023, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các

chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt là *Thông tư số 55/2023/TT-BTC*) thay thế các *Thông tư số 15/2022/TT-BTC*, *Thông tư số 46/2022/TT-BTC*, *Thông tư số 53/2022/TT-BTC*.

- Mặt khác, ngày 10/8/2023, Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp đã ban hành Kết luận kiểm tra số 40/KL-KTrVB về kết luận kiểm tra Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND: đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khẩn trương thực hiện việc bãi bỏ nội dung không phù hợp của Nghị Quyết số 62/2022/NQ-HĐND.

Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh *sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng* là cần thiết nhằm thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, Thông tư số 55/2023/TT-BTC và kiến nghị xử lý tại Kết luận kiểm tra số 40/KL-KTrVB của Cục kiểm tra Văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp. Ban KT - NS nhất trí.

### **3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

- Tại Khoản 12, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP quy định: “**Đối với dự án, kế hoạch liên kết do địa phương thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định Hồ sơ, điều kiện và yêu cầu trong lựa chọn dự án, kế hoạch theo điều kiện thực tiễn của địa phương**”.

- Tại Khoản 22, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP quy định: “**Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này**”.

Căn cứ các quy định nêu trên: Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua có đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định. Ban KT - NS nhất trí.

### **4. Về thể thức văn bản**

Tuân thủ đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020. Ban KT - NS nhất trí.

## 5. Về nội dung Nghị quyết

- Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết gồm:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

**“Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

**“Điều 3a. Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý**

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

**“Điều 4. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

**Điều 2.** Bãi bỏ một số điều tại Quy định: Bãi bỏ “Điều 5, “Điều 6.

**Điều 3.** Bãi bỏ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

## 6. Ý kiến của Ban KT-NS

(1) Về tên Nghị quyết, UBND tỉnh trình không đúng với tên Nghị quyết theo Thông báo số 362/TB-HĐND ngày 06/9/2023 của Thường trực HĐND tỉnh. Cụ thể: tên Nghị quyết được Thường trực HĐND tỉnh nhất trí là: *“Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND...”*. Nay UBND tỉnh trình tên nghị quyết là: *“Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND...”*

Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh trình xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh về tên nghị quyết.

(2) Đối với các nội dung trong dự thảo Nghị quyết:

- Theo dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình: Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tại dự thảo Nghị quyết này đã thay đổi phần lớn nội dung tại Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND, chỉ còn giữ lại Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Điều 2. Đối tượng áp dụng.

- Đồng thời trong hồ sơ gửi kèm theo: Sở Tư pháp có ý kiến đề xuất tại Báo cáo thẩm định 1436/BCTĐ-STP ngày 14/9/2023, đề nghị cơ quan soạn thảo xây dựng Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND.

- Sở NN&PTNN (cơ quan chủ trì soạn thảo): có ý kiến đề xuất thống nhất với Sở Tư pháp đề nghị HĐND tỉnh cho xây dựng Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND.

- Trong quá trình thẩm tra, thảo luận các thành viên Ban KT-NS nhất trí theo hướng xây dựng Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND.

\* Tuy nhiên, Theo quy định tại Điều 148, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015:

*“Điều 148. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn*

*Việc xây dựng, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị*

*định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện như sau:*

- 1. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức việc soạn thảo.*
- 2. Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo văn bản. Trong trường hợp lấy ý kiến thì thời hạn lấy ý kiến không quá 20 ngày.*
- 3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm tra có trách nhiệm thẩm tra dự thảo văn bản.*

*Hồ sơ thẩm định gồm tờ trình và dự thảo; hồ sơ thẩm tra gồm tờ trình, dự thảo, báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.”*

Hiện nay cơ quan chủ trì soạn thảo đã lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên cơ sở nội dung Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Việc chuyển nghị quyết sang hình thức ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND là chưa đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn, đồng thời bố cục, kết cấu của văn bản cần phải thay đổi cho đúng với nghị quyết mới.

Căn cứ quy định nêu trên, Ban KT-NS đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu cho UBND tỉnh xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh cho phép chuyển nghị quyết sang hình thức ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND và thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp gần nhất.

## **B. CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CÁ BIỆT**

**I. Nghị quyết Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2)**

### **1. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết**

- Hồ sơ do UBND tỉnh trình gồm: Tờ trình số 2570/TTr-UBND ngày 19/9/2023; Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo số 2979/BC-SKHĐT ngày 19/9/2023 tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình ý kiến. Hồ sơ do UBND tỉnh trình cơ bản đầy đủ, tuy nhiên chưa có bản chụp 24 văn bản ý kiến góp ý của các đơn vị.

- Về thời gian gửi hồ sơ, UBND tỉnh gửi hồ sơ chậm 02 theo quy định.

## 2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Trong quá trình triển khai thực hiện, kinh phí đã giao cho một số cơ quan, đơn vị năm 2023 phân bổ cho dự án nhưng không thực hiện được, bởi một số nguyên nhân như sau: Một số dự án được phân vốn theo tiêu chí tuy nhiên thực hiện thực tế lại không có đối tượng thực hiện; Một số dự án, tiểu dự án, nội dung thiếu cơ chế thực hiện của Trung ương cần chuyển sang các dự án, tiểu dự án, nội dung đã có đầy đủ hướng dẫn thực hiện, bảo đảm tiến độ giải ngân vốn. Chính vì vậy, việc rà soát điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2023 là cần thiết để đảm bảo thực hiện được theo thực tế và đảm bảo khả năng giải ngân vốn của Chương trình. Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

## 3. Về nội dung Nghị quyết

### 3.1. Điều chỉnh vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia như sau:

3.1.1. Điều chỉnh vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi như sau:

#### a) Điều chỉnh vốn đầu tư:

- Điều chỉnh vốn huyện Bảo Lâm: Giảm vốn Dự án 2 từ 11.488 triệu đồng xuống còn 7.330 triệu đồng, Giảm vốn Dự án 10 từ 976 triệu đồng xuống còn 0 triệu đồng; Tăng vốn theo địa bàn dự án 4 từ 23.453 triệu đồng lên 24.354 triệu đồng, Tăng vốn nhu cầu công trình thiết yếu dự án 4 từ 21.168 triệu đồng lên 22.925 triệu đồng, Tăng vốn Dự án 9 từ 10.023 triệu đồng lên 12.499 triệu đồng.

- Điều chỉnh vốn huyện Thạch An: Giảm vốn dự án 1 từ 5.615 triệu đồng xuống còn 4.570 triệu đồng; Tăng vốn cho dự án 4 từ 43.700 triệu đồng lên 44.745 triệu đồng.

- Điều chỉnh vốn huyện Nguyên Bình: Điều chỉnh giảm toàn bộ vốn dự án 3 là 13.967 triệu đồng; Tăng vốn cho dự án 4 từ 52.186 triệu đồng lên 66.135 triệu đồng.

#### b) Điều chỉnh chi tiết vốn sự nghiệp

- Giảm vốn Tiểu dự án 3 - Dự án 5, tăng vốn sự nghiệp Tiểu dự án 1 - Dự án 5 (huyện Nguyên Bình là 7.542 triệu đồng; huyện Hoà An là 5.162 triệu đồng; huyện Thạch An là 1.000 triệu đồng), cụ thể:

+ Huyện Nguyên Bình: Tiểu dự án 3 - Dự án 5 giảm từ 8.542,0 triệu đồng xuống còn 1.000 triệu đồng; Tăng Tiểu dự án 1 - Dự án 5 từ 5.172 triệu đồng lên 12.714 triệu đồng.

+ Huyện Hoà An: Tiểu dự án 3 - Dự án 5 giảm từ 7.536,0 triệu đồng xuống còn 2.374,0 triệu đồng; Tăng Tiểu dự án 1 - Dự án 5 từ 2.586,0 triệu đồng lên 7.748,0 triệu đồng.

+ Huyện Thạch An: Tiêu dự án 3 - Dự án 5 giảm từ 7.035,0 triệu đồng xuống còn 6.035,0 triệu đồng; Tăng Tiêu dự án 1 - Dự án 5 từ 1.724,0 triệu đồng lên 2.724,0 triệu đồng.

- Điều chỉnh chi tiết vốn giao cho Dự án 10 của Thành phố Cao Bằng (giảm vốn tiêu dự án 3 là 45 triệu đồng tăng cho tiêu dự án 1).

- Điều chỉnh giảm 1.100 triệu đồng vốn sự nghiệp tiêu dự án 1 - Dự án 10 giao Sở Tư pháp từ 4.104,0 triệu đồng còn 3.004,0 triệu đồng; Tăng vốn 1.100 triệu đồng vốn sự nghiệp tiêu dự án 1- Dự án 10 giao cho Ban Dân tộc từ 6.648,0 triệu đồng còn 7.748,0 triệu đồng.

*3.1.2. Điều chỉnh vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững như sau:*

- Điều chỉnh vốn sự nghiệp tiêu dự án 1 - dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: Điều chỉnh giảm vốn đã giao cho Ủy ban mặt trận tổ quốc 500,0 triệu đồng; giảm vốn Tiêu dự án 2, dự án 6 Truyền thông về giảm nghèo đa chiều giao cho Sở Nội Vụ 217,2 triệu đồng để tăng cho Sở Lao động thương binh xã hội 717,2 triệu đồng.

- Điều chỉnh chi tiết vốn Dự án 6 giao cho Thành phố Cao Bằng giảm vốn 850 triệu đồng Tiêu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin tăng cho tiêu dự án 2 Truyền thông về giảm nghèo đa chiều.

*3.1.3. Điều chỉnh vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới như sau:*

- Điều chỉnh giảm vốn sự nghiệp giao cho sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn 609,180 triệu đồng và Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình 400,00 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng vốn sự nghiệp giao cho Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa 509,180 triệu đồng và Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh 500,00 triệu đồng.

**3.2. Điều chỉnh biểu giao danh mục chi tiết dự án đầu tư năm 2023 giao cho các sở, ban, ngành của tỉnh.**

#### **4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh**

(1) Thời gian gửi hồ sơ để thẩm tra: UBND tỉnh gửi chậm 2,5 ngày. Đến 16h ngày 20/9/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách đang họp thẩm tra UBND tỉnh mới gửi hồ sơ ngay trong cuộc họp.

(2) Về tên Nghị quyết: không đúng với tên tại Thông báo số 362/TB-HĐND ngày 06/9/2023 của Thường trực HĐND tỉnh. Tuy nhiên, để dùng từ chính xác Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với tên của nghị quyết hiện nay do UBND tỉnh trình là “*Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2)*”.

(3) Đối với Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết cần đồng nhất về số liệu, tại phần **“Điều chỉnh vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững”**, Tờ trình số 2570/TTr-UBND chỉ đề xuất **“Điều chỉnh vốn sự nghiệp tiểu dự án 1, dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: Điều chỉnh giảm vốn đã giao cho Ủy ban mặt trận tổ quốc 500 triệu đồng để tăng cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 500 triệu đồng.”** Trong khi Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh số liệu: **“- Điều chỉnh vốn sự nghiệp tiểu dự án 1 - dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: Điều chỉnh giảm vốn đã giao cho Ủy ban mặt trận tổ quốc 500 triệu đồng; giảm vốn Tiểu dự án 2, dự án 6 Truyền thông về giảm nghèo đa chiều giao cho Sở Nội Vụ 217,2 triệu đồng để tăng cho Sở Lao động thương binh xã hội 717,2 triệu đồng.**

**- Điều chỉnh chi tiết vốn Dự án 6 giao cho Thành phố Cao Bằng giảm vốn 850 triệu đồng Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin tăng cho tiểu dự án 2 Truyền thông về giảm nghèo đa chiều.”**

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh rà soát, bổ sung lại Tờ trình đề đồng nhất số liệu.

(4) Đối với các nội dung đề nghị điều chỉnh, Tại quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2023, Vốn đầu tư được giao đến các Chương trình, còn Vốn sự nghiệp giao chi tiết đến Dự án. Ban Kinh tế - Ngân sách thấy rằng UBND tỉnh trình các nội dung điều chỉnh như trên là đảm bảo (Vốn sự nghiệp điều chỉnh từ **tiểu** dự án này sang **tiểu** dự án khác trong cùng một dự án). Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh khẳng định tổng số vốn giao đến **chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp** là không đổi theo quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022.

(5) Qua các lý do nguyên nhân UBND tỉnh giải trình tại Tờ trình số 2570/TTr-UBND ngày 19/9/2023, Ban KT-NS cơ bản nhất trí đối với các nội dung điều chỉnh nêu trên. Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh giải trình thêm một số nguyên nhân chỉ có một số huyện xin điều chỉnh đã rà soát đầy đủ trên phạm vi toàn tỉnh chưa? Cụ thể:

- Phần vốn đầu tư, Dự án 10 huyện Bảo Lâm chưa có hướng dẫn thực hiện, các huyện còn lại như thế nào ( vậy 08 huyện còn lại đều được giao vốn thực hiện Dự án 10)?

- Phần vốn sự nghiệp: Căn cứ Công văn số 1136/TCGDNN-KHTC ngày 8/6/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành về giải đáp các khó khăn vướng mắc của các địa phương trong thực hiện nhiệm vụ thuộc 03 chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, trong đó có nêu Trung tâm GDNN-GDTX không phải là cơ sở GDNN và không được hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, một số hạng mục công trình, mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện đào tạo do đó không thuộc đối tượng thụ hưởng kinh phí của 03 chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025.

Trên cơ sở đó các huyện: Nguyên Bình, Hòa An, Thạch An đề nghị điều chuyển về thực hiện tiểu dự án 1 dự án 5 **“Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển**

*các trường phổ thông DTNT, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS". Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh cho biết tình hình các huyện còn lại có điều chỉnh không và thực hiện như thế nào đối với nguồn vốn thực hiện Tiểu dự án 3, Dự án 5?*

(6) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh và các cơ quan liên quan khẳng định khả năng giải ngân số vốn điều chỉnh tăng cho các đơn vị trong năm 2023? Việc điều chỉnh vốn không ảnh hưởng đến mục tiêu của Chương trình MTQG ban đầu? Số vốn được điều chỉnh tăng có vượt quá số vốn trung hạn của đơn vị được giao tăng vốn không?.

(7) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Căn cứ ban hành nghị quyết: Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung thêm các căn cứ: Nghị định 38/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (trong tờ trình có nêu căn cứ từ Nghị quyết trên).

- Kỹ thuật trình bày văn bản: Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh cần trình bày thống nhất cụm từ: *tăng vốn cho dự án*.

- Tại trang số 4, dự thảo Nghị quyết, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh chỉnh sửa lại số liệu điều chỉnh Tiểu dự án 1 – Dự án 10, giảm Sở Tư pháp từ “4.104,0 triệu đồng xuống còn “3.004,0 triệu đồng” và tăng cho Ban Dân tộc từ “6.648,0 triệu đồng” lên 7.748,0 triệu đồng” và cho chính xác theo biểu phụ lục 02 kèm theo.

- Tại Phụ lục 3, dự thảo Nghị quyết, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh chỉnh sửa lại số liệu: phần Sở Nội vụ, phần lời tại dự thảo Nghị quyết ghi Tiểu dự án 2, dự án 6. Tuy nhiên, phần biểu phụ lục số liệu ghi tại Tiểu dự án 1, đồng thời thiếu số liệu Dự án 6 (300 triệu đồng) tại phụ lục kèm theo Nghị quyết 80/NQ-HĐND.

(8) Để tăng tỷ lệ giải ngân, giảm số vốn có thể bị thu hồi, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổng hợp những đơn vị đủ điều kiện điều chỉnh, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết, đồng thời bổ sung Tờ trình đối với những nội dung điều chỉnh, bổ sung thêm so với Tờ trình số 2570/TTr-UBND ngày 19/9/2023 và gửi lại Ban KT-NS thẩm tra trước ngày 24/9/2023 để trình tại Kỳ họp.

Ban KT - NS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, thông qua.



## **II. Nghị quyết về chủ trương đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng đối với diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023**

### **1. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết**

- Hồ sơ dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh gửi để thẩm tra gồm: Tờ trình số 2548/TTr-UBND ngày 18/9/2023; Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo số 2946/BC-SKHĐT ngày 15/9/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết cơ bản đầy đủ, Tuy nhiên, để có đầy đủ thông tin và tài liệu thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND đề nghị UBND tỉnh bổ sung thêm các tài liệu liên quan sau:

+ Chấp thuận đề xuất điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT (Việc chấp thuận cho phép điều chỉnh quy hoạch được thông báo bằng văn bản).

+ Báo cáo thuyết minh điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

+ Hệ thống bản đồ, sơ đồ minh họa việc điều chỉnh quy hoạch.

+ Tổng hợp ý kiến và giải trình về việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan.

- Thời gian gửi hồ sơ thẩm tra: chưa đảm bảo thời gian theo quy định.

### **2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết**

Sau khi được Thường trực HĐND tỉnh nhất trí tổ chức kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 -2026 và danh mục các dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp thứ 15 UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2422/UBND-TH ngày 06/9/2023 giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 15. Trên cơ sở giao nhiệm vụ của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng dự thảo Nghị quyết về chủ trương đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng đối với diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 (bổ sung đợt 1) đề trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh theo quy định. Ban KT-NS nhất trí.

### **3. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

#### **a, Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

- Các dự án: (1) Xây dựng mới bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng; (2) Tuyến kết nối thành phố Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng); (3) Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Cao Bằng đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, là các dự án cần thiết đầu tư, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Để các dự án được triển khai kịp thời theo tiến độ được duyệt, cần thiết phải chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định.

- Theo quy định tại mục 2 Công văn số 6813/NNN-TCLN ngày 11/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/8/2022 có yêu cầu: “*Từ nay cho đến khi Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia,*

*Quy hoạch tỉnh được phê duyệt, đề nghị UBND tỉnh khi xem xét chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc Quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh; đồng thời phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của từng tỉnh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022". Các dự án do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét cho chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác có một phần diện tích nằm trong quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Cao Bằng. Do đó, phần diện tích nằm trong quy hoạch 03 loại rừng của 03 dự án nêu trên cần phải đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng trước khi chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định.*

Căn cứ từ thực tế và các quy định nêu trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về chủ trương đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng đối với diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trước khi UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng là cần thiết, đúng với các quy định pháp luật. Ban KT-NS nhất trí.

#### **b, Thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

- Theo quy định tại mục 1 Nghị quyết 139/NQ-CP ngày 31/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh có quy định: *"Đối với các địa phương chưa có quy hoạch cấp tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc quy hoạch 3 loại rừng cấp tỉnh được tiếp tục thực hiện, kéo dài thời kỳ và điều chỉnh nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành..."*. Do đó, việc điều chỉnh nội dung quy hoạch 03 loại rừng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

- Theo quy định tại Điểm đ, Khoản 3, Điều 30, Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định: Nghị quyết của HĐND tỉnh là một thành phần trong hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch ngành.

Căn cứ quy định nêu trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về chủ trương đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng đối với diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trước khi UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng là đúng thẩm quyền, phù hợp với các quy định pháp luật. Ban KT-NS nhất trí.

#### **4. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua chủ trương đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng đối với 21,78 ha, trong đó: quy hoạch rừng sản xuất: 19,22 ha; quy hoạch rừng phòng hộ: 2,56 ha, trong đó:

(1) Dự án xây dựng mới bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng: 0,46 ha (quy hoạch rừng sản xuất).

(2) Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Cao Bằng: 0,95 ha (quy hoạch rừng sản xuất).

(3) Dự án Tuyến kết nối thành phố Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng): 20,37 ha (quy hoạch rừng sản xuất: 17,81 ha; quy hoạch rừng phòng hộ: 2,56ha).

### **5. Ý kiến thẩm tra của Ban KT-NS**

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với đề nghị của UBND tỉnh và đề nghị UBND tỉnh rà soát, báo cáo rõ thêm các nội dung sau đây:

(1) Đối với Dự án Tuyến kết nối thành phố Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng):

- Dự án này đã được HĐND tỉnh cho chủ trương đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng là 31,04ha<sup>1</sup>. Tại cuộc họp thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã báo cáo, giải trình thêm nội dung: Dự án đã thay đổi hướng tuyến, do đó không thực hiện trên toàn bộ diện tích 31,04 ha đã được HĐND tỉnh cho chủ trương đưa ra ngoài quy hoạch (chỉ thực hiện đối với diện tích 18,28/31,04 ha). Sau khi rà soát ranh giới thực hiện dự án, khu vực thực hiện dự án hiện tại có tổng diện tích rừng là 41,09 ha, trong đó: có 38,65 ha rừng nằm trong quy hoạch 03 loại rừng, 2,44 ha ngoài quy hoạch 03 loại rừng. Trong 38,65 ha rừng nằm trong quy hoạch 03 loại rừng cần đưa ra ngoài quy hoạch thì có 18,28 ha đã được đưa ngoài quy hoạch tại Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND, diện tích cần đưa ngoài quy hoạch 03 loại rừng hiện giờ là 20,37 ha. Tuy nhiên, theo báo cáo thẩm định số 2052/BC-HĐTĐ ngày 01/8/2023 của Hội đồng thẩm định của UBND tỉnh, diện tích cần tiếp tục đưa ra ngoài quy hoạch để thực hiện dự án là 7,61 ha. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo, giải trình, làm rõ về chênh lệch diện tích giữa Tờ trình của UBND tỉnh và Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định của UBND tỉnh?

- Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung vào dự thảo Nghị quyết nội dung: Sửa đổi, bổ sung diện tích đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng của dự án Tuyến kết nối thành phố Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) được thông qua tại Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND tỉnh (*do thay đổi hướng tuyến nên không thực hiện đối với 12,76 ha đã được đưa ra ngoài quy hoạch, điều chỉnh cụ thể về diện tích, hiện trạng rừng*) để đảm bảo thống nhất, chính xác số liệu giữa 02 Nghị quyết.

- Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát lại diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện của dự án thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh (*tại Tờ trình số 2547/TTr-UBND ngày 18/9/2023 về chuyển mục đích sử dụng rừng: diện tích rừng trồng của dự án là 3,55 ha; tại Tờ trình số 2548/TTr-UBND ngày 18/9/2023 về chủ trương đưa ra ngoài quy hoạch: diện tích rừng trồng của dự án là 2,21 ha*).

---

<sup>1</sup> Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND tỉnh

- Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát lại vị trí rừng đưa ra ngoài quy hoạch và vị trí rừng chuyển mục đích sử dụng của dự án (*đang có vị trí rừng chuyển mục đích không khớp với vị trí rừng đưa ra ngoài quy hoạch: lô 75b, khoảng 3A, tiểu khu 500A tại xã Vân Trình, huyện Thạch An*).

(2) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo, khẳng định sự phù hợp của việc đưa ra ngoài quy hoạch phần diện tích để triển khai thực hiện các dự án so với với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và quy hoạch tỉnh đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 về việc thông qua quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 – 2030. Phần diện tích đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng của 03 dự án này đã được đưa khỏi quy hoạch tỉnh hay chưa? Tránh việc Quy hoạch tỉnh được phê duyệt mà diện tích HĐND tỉnh cho chủ trương đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng vẫn nằm trong diện tích quy hoạch lâm nghiệp của Quy hoạch tỉnh.

(3) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu của các dự án đề nghị đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị Kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

### **III. Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 (bổ sung đợt 2)**

#### **1. Về hồ sơ dự thảo**

- UBND tỉnh gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết để thẩm tra gồm: Tờ trình số 2547/TTr-UBND ngày 18/9/2023; Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; các tài liệu kèm theo của từng dự án. Hồ sơ đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Tuy nhiên, chưa có ý kiến nhất trí của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc cho chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 03 dự án nêu trên.

- Thời gian gửi hồ sơ thẩm tra: chưa đảm bảo theo quy định.

#### **2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

- Sự cần thiết ban hành nghị quyết: 03 dự án: (1) *Dự án Xây dựng mới bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng*; (2) *Dự án Tuyển kết nối thành phố Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng)*; (3) *Dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng* có vai trò, tầm quan trọng nhất định trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, thời gian thực hiện dự án từ 2023 - 2026. Việc HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng là điều kiện quan trọng và cần thiết, ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian thi công, hoàn thành của các dự án. Ban KT-NS nhất trí.

- Thẩm quyền ban hành nghị quyết: Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 3 dự án nêu trên là phù hợp, đúng theo quy định điểm c

mục 5 khoản 1 Điều 1 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp. Ban KT-NS nhất trí.

### **3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 03 dự án, với tổng diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng là 4,96 ha rừng trồng, quy hoạch rừng sản xuất, cụ thể:

(1) Dự án xây dựng mới bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng: 0,46 ha rừng trồng, quy hoạch rừng sản xuất.

(2) Dự án Tuyên kết nối thành phố Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng): 3,55 ha rừng trồng, quy hoạch rừng sản xuất.

(3) Dự án Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Cao Bằng: 0,95 ha rừng trồng, quy hoạch rừng sản xuất.

### **4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:**

(1). Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh xây dựng dự thảo Tờ trình đảm bảo đủ các nội dung cơ bản theo quy định tại Điểm d, mục 3, khoản 1, Điều 1 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ. Đồng thời, thể hiện rõ các số liệu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định (*không chỉ thể hiện trong dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình của UBND tỉnh*).

(2). Đối với Dự án Tuyên kết nối thành phố Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng), Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh cần làm rõ các vấn đề sau:

- Diện tích UBND tỉnh đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác ( *tại Tờ trình số 2547/TTr-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh*) là 3,55 ha. Tuy nhiên, diện tích rừng trồng, quy hoạch rừng sản xuất UBND tỉnh đề nghị đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng ( *tại Tờ trình số 2548/TTr-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh*) là 2,21 ha. Như vậy, số diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác sai lệch so với diện tích rừng trồng, quy hoạch rừng sản xuất UBND tỉnh đề nghị đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng là: 1,34 ha. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ nguyên nhân không thống nhất về số liệu?

- Số liệu về vị trí (số lô, khoảnh, tiểu khu...) của khu vực UBND tỉnh đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác không thống nhất với vị trí (số lô, khoảnh, tiểu khu...) của khu vực UBND tỉnh đề nghị đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng. Cụ thể: Lô 75b, khoảnh 3A, tiểu khu 500A tại xã Vân Trình, huyện Thạch An có trong danh mục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng không có trong danh mục đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ nội dung này, đồng thời rà soát toàn bộ số liệu và đảm bảo tính chính xác, thống nhất về số liệu vị trí Lô, khoảnh, tiểu khu tại các khu vực đề nghị chuyển đổi của từng dự án.

(3). Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu của các dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

#### **IV. Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 (bổ sung, điều chỉnh đợt 3)**

##### **1. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết**

- UBND tỉnh gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết để thẩm tra gồm: Tờ trình số 2552/TTr-UBND ngày 18/9/2023; Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; Báo cáo số 2920/BC-STNMT ngày 13/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Các tài liệu khác gồm: 05 Tờ trình của UBND các huyện, thành phố; 48 bản sao văn bản pháp lý liên quan đến thu hồi đất của các dự án; Các bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích thu hồi đất của từng dự án. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình thẩm tra cơ bản đầy đủ theo quy định.

- Thời gian gửi hồ sơ thẩm tra: chưa đảm bảo thời gian theo quy định.

##### **2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

- UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 (bổ sung, điều chỉnh đợt 3) đối với 20 dự án bổ sung. Các dự án này là những dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, thuộc trường hợp HĐND tỉnh chấp thuận, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai.

- Theo quy định của pháp luật về đất đai, Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất của HĐND tỉnh là cơ sở để các cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện thủ tục phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện; thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng; bàn giao đất thực hiện dự án.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất là cần thiết để triển khai đầu tư các dự án và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định. Ban KT-NS nhất trí.

##### **3. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP<sup>2</sup> ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất hàng năm được xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định vào kỳ họp cuối năm trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện<sup>3</sup>. Tuy nhiên, để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội,

<sup>2</sup> đ) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

<sup>3</sup> Khoản 1 Điều 6 Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch quy định: “UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tạo khoản 3 Điều 62 của Luật này trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện”

việc UBND tỉnh giao các địa phương, đơn vị lập Danh mục bổ sung các công trình, dự án cần thu hồi đất trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định tại kỳ họp chuyên đề là phù hợp với thực tiễn.

Tại Điều 45 Luật Đất đai năm 2013 quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật này trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện”. Do đó, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua danh mục các dự án phải thu hồi đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng là đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

#### **4. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

##### **4.1. Dự án, công trình bổ sung**

**a, Nội dung UBND tỉnh trình:** đề nghị HĐND tỉnh thông qua danh mục 20 dự án<sup>4</sup> cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng với tổng diện tích thực hiện của 20 dự án là: 23,08 ha, trong đó: đất trồng lúa: 1,54 ha, đất rừng phòng hộ: 7,12 ha, đất rừng đặc dụng: 0 ha, đất khác: 14,43 ha.

**b, Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Ban cơ bản nhất trí với đề nghị của UBND tỉnh, tuy nhiên Ban KT-NS đề nghị:

(1) UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, báo cáo rõ thêm đối với Dự án Thủy điện Bạch Đằng:

- UBND tỉnh đề nghị thu hồi bổ sung 1,649 ha do vướng mắc về xác định nguồn gốc sử dụng đất và tính hợp pháp của giấy chứng nhận nên chưa giải phóng mặt bằng được diện tích 1,649 ha. Tuy nhiên, tại Kỳ họp thứ 14 (kỳ họp giữa năm 2023), UBND tỉnh trình đề nghị thu hồi bổ sung diện tích đối với dự án này là 2,49 ha (*cùng lý do như trên*). Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo, làm rõ việc cùng nội dung, cùng lý do trình bổ sung diện tích thu hồi của 01 dự án mà số liệu UBND tỉnh trình HĐND không thống nhất?

- Diện tích đề nghị bổ sung thu hồi 1,649 ha đã nằm trong diện tích thu hồi 46,96 ha của dự án (*đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và bổ sung thêm diện tích thu hồi Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 12/7/2019*). Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh làm rõ căn cứ, lý do và sự phù hợp quy định pháp luật khi tiếp tục đăng ký thu hồi bổ sung phần diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua thu hồi tại giai đoạn trước?

- Tại thời điểm phần diện tích 1,649 ha chưa dâng nước, ngập nước trong vùng hồ thì chưa xác định được nguồn gốc quá trình sử dụng đất và tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, hiện nay đất đã ngập nước thì UBND tỉnh lại báo cáo đủ điều kiện xác định nguồn gốc. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo, giải trình rõ nội dung này?

<sup>4</sup> Trong đó: 12 dự án đường giao thông, 01 dự án về thủy lợi, 01 dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, 02 dự án nhà bia ghi tên liệt sĩ, 01 dự án chỉnh trang đô thị; 01 dự án thủy lợi, 02 dự án ổn định dân cư

(2) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát số liệu về diện tích, cơ cấu loại đất đảm bảo chính xác để đảm bảo số liệu chính xác giữa các biểu và phụ lục (*hiện có sai số giữa các biểu phụ lục*).

#### **4.2. Dự án, công trình điều chỉnh**

**a, Nội dung UBND tỉnh trình:** đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh về diện tích thu hồi, cơ cấu loại đất thu hồi của 09 dự án đã được HĐND thông qua danh mục thu hồi đất tại các Nghị quyết: Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 09/12/2022, Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 27/4/2023, Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2020, Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/7/2023, Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2021.

**b, Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Ban cơ bản nhất trí với đề nghị của UBND tỉnh. Tuy nhiên, Ban đề nghị UBND tỉnh báo cáo, làm rõ thêm các nội dung sau đây:

(1) Đối với dự án Trạm Y tế xã Đồng Loan, huyện Hạ Lang: Dự án này đã được thông qua danh mục dự án thu hồi đất tại Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh với diện tích thu hồi 0,02 ha, trong đó: đất khác: 0,02ha. Nay UBND tỉnh đề nghị điều chỉnh thành thu hồi: 0,08ha, trong đó: đất trồng lúa: 0,05ha, đất khác: 0,03ha. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo, làm rõ thêm nội dung: Phần diện tích thu hồi bổ sung 0,06ha, trong đó: đất trồng lúa: 0,05ha, đất khác: 0,01ha để thực hiện thêm hạng mục nào của dự án, lý do không trình kỳ họp cuối năm 2022 (*Do căn cứ pháp lý thu hồi bổ sung đang là Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của UBND huyện Hạ Lang về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình: Trạm y tế xã Đồng Loan, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng, trong khi đó HĐND tỉnh thông qua diện tích thu hồi 0,02ha ngày 09/12/2022*).

(2) Đối với dự án Thủy điện Hồng Nam: Dự án Thủy điện Hồng Nam được thông qua danh mục dự án thu hồi đất tại Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh với diện tích thu hồi trên địa bàn thành phố Cao Bằng là 55,5 ha, trong đó: đất trồng lúa 6,33ha, đất khác: 49,17ha. Nay UBND tỉnh đề nghị điều chỉnh thành thu hồi: 53,43ha, trong đó: đất trồng lúa: 5,62ha, đất rừng phòng hộ: 5,05ha, đất khác: 42,76ha. Căn cứ pháp lý đề nghị điều chỉnh là Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 994/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng.

Tuy nhiên, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 994/QĐ-UBND chỉ điều chỉnh địa điểm thực hiện<sup>5</sup>, tiến độ dự án và nội dung ưu đãi được hưởng không điều chỉnh diện tích đất dự kiến thực hiện dự án. Do đó, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo, giải trình rõ thêm các nội dung:

- Lý do diện tích UBND tỉnh đề nghị điều chỉnh thu hồi có giảm 2,07ha so với diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (từ 55,5 ha xuống còn 53,43ha), tuy nhiên đất rừng phòng hộ tăng 5,05ha?

<sup>5</sup> Từ xã Hồng Nam, huyện Hòa An, điều chỉnh thành: Xã Hồng Nam, Quang Trung, huyện Hòa An; xã Chu Trinh, phường Duyệt Trung, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng



- Phần diện tích đất rừng phòng hộ tăng 5,05ha có nằm trong diện tích 55,5ha đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết 95/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 hay không? Hay nằm ngoài diện tích đã được thông qua? Ban KT-NS Đề nghị UBND tỉnh làm rõ và khẳng định nội dung này?

- Thủy điện Hồng Nam nằm trên địa bàn thành phố Cao Bằng và huyện Hòa An. Trên địa bàn huyện Hòa An, phần diện tích thu hồi được thông qua là 75,05 ha, trong đó: đất trồng lúa: 03 ha, đất rừng phòng hộ: 13,97ha, đất khác 58,08ha. UBND tỉnh đã rà soát diện tích thu hồi trên địa bàn huyện Hòa An hay chưa? Có phải điều chỉnh diện tích thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện Hòa An để thực hiện dự án hay không? Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo, giải trình rõ?

*Lý do: Nếu thực hiện điều chỉnh tăng diện tích thu hồi đất rừng phòng hộ tại địa bàn thành phố lên 5,05ha, thì diện tích thu hồi và chuyển mục đích đất trồng lúa là của cả dự án là: 8,62ha, diện tích thu hồi và chuyển mục đích đất rừng phòng hộ là của cả dự án là: 19,02ha. Nếu rà soát diện tích thu hồi, chuyển mục đích của dự án trên địa bàn huyện Hòa An, mà tăng về diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thì sẽ thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ quy định với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng).*

(3) Đối với Dự án cụm hồ chứa nước tỉnh Cao Bằng (gồm 3 công trình: Công trình hồ Khuổi Dáng, huyện Hòa An; Công trình hồ Khuổi Khoang, hồ Pác Thặng, xã Cô Ngân, huyện Hạ Lang): Dự án được thông qua danh mục dự án thu hồi đất tại Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh với diện tích thu hồi của 03 công trình là: 62,22 ha, trong đó: đất trồng lúa 10,87ha, đất rừng phòng hộ: 25,19ha, đất khác 26,16ha. Nay đề nghị điều chỉnh thành thu hồi: 52,81ha, trong đó: đất trồng lúa: 8,56ha, đất rừng phòng hộ: 18,3ha, đất khác: 25,95ha (nếu thực hiện điều chỉnh, sẽ thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh).

Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh đánh giá thêm việc giảm diện tích thu hồi 9,41ha có đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của dự án theo thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt không?

(4) Đường tỉnh 208, từ thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An) - xã Cách Linh, Triệu Âu (huyện Phục Hòa) - xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã Đức Quang (huyện Hạ Lang) - xã Chí Viễn (huyện Trùng Khánh), tỉnh Cao Bằng – Giai đoạn 2: Căn cứ đề nghị điều chỉnh diện tích thu hồi của Dự án là Công văn số 2134/UBND-CN ngày 09/8/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc chủ trương điều chỉnh, bổ sung bãi thải trong Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án ĐTXD công trình đường tỉnh 208 - Giai đoạn 2. Theo đó điều chỉnh, bổ sung 04 bãi chứa thải mới thay thế cho 03 vị trí bãi chứa thải đã được UBND tỉnh phê duyệt. Tuy nhiên, tại bản vẽ vị trí ranh giới, vị trí thu hồi bổ sung để làm bãi thải có 323,1m<sup>2</sup> đất ở, Ban Kt-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo, giải trình rõ?

(5) Dự án Nâng cấp, cải tạo đường Nà Pồng - Đức Hạnh (cầu qua sông Gâm), huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng: Dự án này được thông qua danh mục thu hồi đất (dự án chuyển tiếp từ 2021) tại Nghị quyết 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 với diện tích thu hồi 25ha (trong đó: đất rừng phòng hộ: 05ha, các loại đất khác 20ha). Theo biên bản kiểm tra thực địa của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hạ Bảo Lâm ngày 23/5/2023, Dự án đã hoàn thành việc thu hồi đất đối với 25 ha được phê duyệt thông qua, do đó, dự án không thực hiện chuyển tiếp thu hồi năm 2023 (*không có trong danh mục 95/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh*).

Do đó, việc đề nghị điều chỉnh diện tích thu hồi theo đề nghị của UBND tỉnh là không phù hợp, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị thực hiện theo hướng: bổ sung mới dự án vào danh mục dự án thu hồi đất năm 2023 (*chỉ bổ sung với phần diện tích cần thu hồi bổ sung*). Tuy nhiên, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ lý do diện tích đề nghị thu hồi tăng 15,05ha, trong đó: tăng đất trồng lúa 0,82ha, tăng đất rừng phòng hộ 2,84ha, (tăng gần gấp đôi so với diện tích được thông qua năm 2021, từ 25ha lên 40,5ha)?

(6) Dự án Khu xử lý rác thải thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình: Dự án này được thông qua danh mục thu hồi đất (đăng ký mới năm 2021) tại Nghị quyết 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh với diện tích thu hồi 0,83 ha (đất khác). Dự án không được đăng ký chuyển tiếp để thu hồi năm 2022, 2023, do đó, việc đề nghị điều chỉnh diện tích thu hồi theo đề nghị của UBND tỉnh là không phù hợp, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị thực hiện theo hướng: bổ sung mới dự án vào danh mục dự án thu hồi đất năm 2023.

(8) Dự án Đường giao thông liên kết vùng chuỗi du lịch cộng đồng Nà Mùng, xã Phan Thanh, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng: Dự án được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án thu hồi đất tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 (bổ sung, điều chỉnh đợt 2 năm 2023) với tổng diện tích 1,13 ha, trong đó: đất trồng lúa 0,09ha, đất rừng phòng hộ 1,04 ha. UBND tỉnh đề nghị thu hồi bổ sung diện tích 2,25ha (đất khác) để thực hiện dự án, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh báo cáo lý do thu hồi bổ sung phần diện tích 2,25ha?

(9) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát, chỉnh sửa lại lý do, căn cứ điều chỉnh của các dự án thuộc danh mục điều chỉnh tại Phụ lục 2, do các căn cứ điều chỉnh đang trình không phù hợp: có dự án vẫn nêu căn cứ pháp lý trước đây, có dự án thì căn cứ điều chỉnh không liên quan đến nội dung điều chỉnh.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

**V. Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 (bổ sung, điều chỉnh đợt 3)**

**1. Về hồ sơ trình thẩm tra:** UBND tỉnh gửi hồ sơ cơ bản đầy đủ theo quy định. Thời gian gửi hồ sơ: không đảm bảo theo quy định.

**2. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

Tại Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư cần có: “*Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng*”. Do đó, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 là đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

### **3. Về nội dung Nghị quyết:**

**3.1.** UBND tỉnh trình Kỳ họp thứ 15, HĐND tỉnh khóa XVII thông qua danh mục 20 dự án, công trình đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 với tổng diện tích cần chuyển đổi là: **34,44** ha, gồm:

- Diện tích đất trồng lúa: **10,56** ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ: **23,88** ha;
- Diện tích đất rừng đặc dụng: **0** ha.

**3.2.** Đề nghị điều chỉnh diện tích đất chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đối với 04 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết trước.

### **4. Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách**

Qua thẩm tra Ban KT-NS có ý kiến như sau:

- Trong danh mục 20 dự án, công trình đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 có 19 dự án nằm trong số 20 dự án, công trình cần thu hồi đất năm 2023 (*các công trình đăng ký mới*) và 04 dự án điều chỉnh nằm trong số 09 dự án điều chỉnh thu hồi đất. Do đó, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh căn cứ các ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách ở phần thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất 2023, để rà soát, điều chỉnh dự thảo Nghị quyết, phụ lục kèm theo đảm bảo các danh mục dự án, công trình chính xác, thống nhất giữa 02 Nghị quyết.

- Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát lại biểu phụ lục điều chỉnh của Danh sách dự án đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất: cộng sai diện tích các cột và rà soát lại phần đất rừng đặc dụng.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

**VI. Tờ trình số 2562/TTr-UBND ngày 19/9/2023 Về việc đề xuất áp dụng mức thu phí 0 đồng đối với Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu đối với mặt**

**hàng xe ô tô, xe tự hành, xe chuyên dùng, máy chuyên dùng các loại (tương đương công năng như xe ô tô, xe chuyên dùng) nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023**

## **1. Về quy trình xây dựng Tờ trình và nội dung trình**

### **a) Quy trình xây dựng nội dung trình**

- Tại Khoản 2, Mục III, Phụ lục Mức thu Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh quy định: *“Mức thu Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu đối với xe ô tô, xe tự hành, xe chuyên dùng, máy chuyên dùng các loại (tương đương công năng như xe ô tô, xe chuyên dùng) nhập khẩu là 25.000 đồng/tấn”*.

Trong quá trình triển khai thực hiện quy định trên thì **Hoạt động kinh doanh ô tô của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn** do bị ảnh hưởng của hậu đại dịch Covid-19, nhu cầu thị trường giảm mạnh, các công ty có xu hướng tạm dừng nhập khẩu hoặc nhập khẩu ô tô qua các cửa khẩu tỉnh Lạng Sơn. Tình hình thu NSNN đối với mặt hàng ô tô nhập khẩu qua địa bàn tỉnh Cao Bằng gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới thu ngân sách nhà nước đối với mặt hàng xe ô tô, xe tự hành, xe chuyên dùng, máy chuyên dùng các loại (*tương đương công năng như xe ô tô, xe chuyên dùng*) nhập khẩu qua địa bàn tỉnh<sup>6</sup>.

- Trên cơ sở báo cáo và đề nghị của BQL Khu kinh tế tỉnh, Sở Tài chính đã thực hiện rà soát và đề nghị xây dựng nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND, sau đó:

+ UBND tỉnh đã có Tờ trình số 2290/Tr-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh về danh mục nghị quyết đề xuất xây dựng trình kỳ họp thứ 15 (kỳ họp chuyên đề) HĐND tỉnh khóa XVII.

+ Chủ tịch UBND tỉnh đã có Tờ trình số 2295/TTr-UBND ngày 24/8/2023 của đề nghị tổ chức kỳ họp thứ 15 (kỳ họp chuyên đề) HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026.

- Thực hiện Kết luận của đồng chí Chủ tịch HĐND tỉnh Triệu Đình Lê tại Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 8 năm 2023 (đợt xuất) tại Thông báo số 315/TB-VP ngày 31/8/2023 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

---

<sup>6</sup> - Thu từ xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Tà Lùng năm 2022 là 2.393.200.000 đồng; 6 tháng đầu năm 2023 (tính đến ngày 15/6/2023) là 304.200.000.000 đồng, bằng 12,7% so với năm 2022.

- Thu Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu Tà Lùng giảm sâu trong năm 2023, cụ thể:

Năm 2021: 263.237.000 đồng (tháng 12/2021); Năm 2022: 3.547.784.275 đồng; Năm 2023: 507.908.075 đồng (tính đến hết tháng 7 năm 2023).

UBND tỉnh báo cáo và trình kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) HĐND tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nội dung:

*“UBND tỉnh có văn bản trình HĐND tỉnh cho ý kiến về việc miễn giảm phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đối với hàng hóa là mặt hàng xe ô tô nhập khẩu cho các công ty, doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu ô tô trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (trong đó ghi rõ thời gian đề nghị miễn) để trình Kỳ họp thứ 15 (Chuyên đề) HĐND tỉnh khóa XVII xem xét, quyết định”.*

## **b) Nội dung UBND tỉnh trình**

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại Tờ trình số 2562/TTr-UBND ngày 19/9/2023 như sau: “Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định áp dụng mức thu phí 0 đồng đối với mức thu Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đối với hàng hóa là xe ô tô, xe tự hành, xe chuyên dùng, máy chuyên dùng các loại (*tương đương công năng như xe ô tô, xe chuyên dùng*) nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023<sup>7</sup>”.

## **2. Ý Kiến của Ban KT-NS**

### **(1). Về hồ sơ trình thẩm tra**

- Hồ sơ do UBND tỉnh trình: Tờ trình số 2562/TTr-UBND ngày 19/9/2023. Tuy nhiên, để có đầy đủ thông tin phục vụ thẩm tra, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh gửi bổ sung kèm theo báo cáo của các cơ quan liên quan, cụ thể: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan khác.

- Thời gian gửi hồ sơ: chậm 1,5 ngày, không đảm bảo theo quy định.

### **(2). Về thẩm quyền và hình thức quyết định của HĐND tỉnh**

- Hiện nay, *Mức thu Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu đối với xe ô tô, xe tự hành, xe chuyên dùng, máy chuyên dùng các loại (tương đương công năng như xe ô tô, xe chuyên dùng) nhập khẩu* đang được quy định tại Khoản 2, Mục III, Phụ lục Mức thu Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh, cụ thể: *“Mức thu Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu đối với xe ô tô, xe tự hành, xe chuyên dùng, máy chuyên dùng các loại (tương đương công năng như xe ô tô, xe chuyên dùng) nhập khẩu là 25.000 đồng/tấn”.*

Để hỗ trợ, giảm bớt gánh nặng cho các doanh nghiệp nhập khẩu ô tô gặp nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng của hậu đại dịch Covid-19 và đề thu hút, giữ chân các doanh nghiệp nhập khẩu ô tô đến với tỉnh Cao Bằng, UBND tỉnh đề

<sup>7</sup> UBND tỉnh không xây dựng dự thảo Nghị quyết theo ý kiến của Thông báo số 315/TB-VP ngày 31/8/2023 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

ngiht áp dụng mức thu 0 đồng đối với mặt hàng trên, Thường trực HĐND tỉnh đã nhất trí chủ trương và đề nghị UBND tỉnh xây dựng nội dung trình, HĐND tỉnh quyết định tại kỳ họp tại Nghị quyết Kỳ họp (*không thông qua hình thức xây dựng và ban hành 01 văn bản quy phạm pháp luật*).

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: hình thức quyết định này của HĐND tỉnh là chưa phù hợp, vì Nghị quyết 31/2022/NQ-HĐND là văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết kỳ họp là văn bản cá biệt. Tuy nhiên, thực hiện ý kiến Kết luận của đồng chí Chủ tịch HĐND tỉnh Triệu Đình Lê tại Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 8 năm 2023 (đột xuất) tại Thông báo số 315/TB-VP ngày 31/8/2023 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh. UBND tỉnh báo cáo và trình kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) HĐND tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Ban KT-NS nhất trí.

### **b) Về nội dung**

(1) Theo đề nghị của UBND tỉnh: “Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định áp dụng mức thu phí là 0 đồng đối với Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đối với hàng hóa là xe ô tô, xe tự hành, xe chuyên dùng, máy chuyên dùng các loại (*tương đương công năng như xe ô tô, xe chuyên dùng*) nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023”. Nội dung này đã được Thường trực HĐND tỉnh nhất trí chủ trương và đề nghị UBND tỉnh xây dựng nội dung trình HĐND tỉnh quyết định tại kỳ họp thứ 15 chuyên đề HĐND tỉnh Cao Bằng khóa XVII. Ban KT-NS nhất trí.

Tuy nhiên, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo giải trình làm rõ:

- Tính từ thời điểm áp dụng mức thu phí 0 đồng đến 31/12/2023: dự kiến sẽ làm giảm số thu ngân sách của tỉnh năm 2023 từ nguồn thu phí này là bao nhiêu tiền?

(2) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh lại câu từ của nội dung mức thu phí? cho phù hợp với các quy định của Luật phí, lệ phí và theo đúng nội dung thông báo của Thường trực HĐND tỉnh.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với các hồ sơ dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình Kỳ họp thứ 15, HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 – 2026./.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu tham dự kỳ họp;
- LĐ Ban KT - NS HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH**  
**TRƯỞNG BAN**

**La Văn Hồng**